

Số: 167 /QĐ-UBND

Tuy An, ngày 24 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng rút gọn tỷ lệ 1/500 dự án Khu tái định cư tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An – Thành phố Tuy Hòa (thôn Giai Sơn, xã An Mỹ)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/06/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 73/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 về chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An – thành phố Tuy Hòa (giai đoạn 1); số 11/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 về điều chỉnh chủ trương dự án;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 996/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Tuy Hòa và khu vực phụ cận, tỉnh Phú Yên đến năm 2040; số 815/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 phê duyệt dự án Tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An – thành phố Tuy Hòa (giai đoạn 1);

Căn cứ Thông báo số 1193/TB-UBND ngày 22/7/2024 của UBND huyện về ý kiến thống nhất của tập thể Lãnh đạo UBND huyện tại buổi hội ý ngày 22/7/2024;

Căn cứ Công văn số 3206/UBND ngày 16/10/2024 của UBND huyện về việc cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng dự án Khu tái định cư tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An – Thành phố Tuy Hòa (thôn Giai Sơn, xã An Mỹ);

Căn cứ Công văn số 2309/SXD-QHKT ngày 30/12/2024 của Sở Xây dựng về việc góp ý đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 dự án Khu tái định cư tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An - thành phố Tuy Hòa (thôn Giai Sơn, xã An Mỹ);

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 21/TTr-KTHT ngày 20/01/2025 về việc phê duyệt đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng rút gọn tỷ lệ 1/500 dự án Khu tái định cư tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An – Thành phố Tuy Hòa (thôn Giai Sơn, xã An Mỹ); kèm theo hồ sơ quy hoạch xây dựng chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 được Phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định tại Công văn số 03/KTHT ngày 20/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng gồm các nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng rút gọn tỷ lệ 1/500 dự án Khu tái định cư tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An – Thành phố Tuy Hòa (thôn Giai Sơn, xã An Mỹ).

2. Đơn vị tổ chức lập đồ án: Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy An.

3. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch: Thuộc thôn Giai Sơn, xã An Mỹ, huyện Tuy An.

- Ranh giới khu vực được xác định như sau:

- + Phía Đông giáp đất nông nghiệp (Quy hoạch đất điểm dân cư nông thôn);
- + Phía Tây giáp đường ĐT.649 (Quy hoạch đường giao thông rộng 25m);
- + Phía Nam giáp đất nông nghiệp và khu dân cư (Quy hoạch đất điểm dân cư nông thôn);
- + Phía Bắc giáp đất nông nghiệp (Giáp ranh giới đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Tuy Hòa và khu vực phụ cận, tỉnh Phú Yên đến năm 2040).

- Diện tích khu vực lập quy hoạch: 38.164,6m²;

4. Tính chất khu vực lập quy hoạch, mục tiêu đồ án

4.1. Tính chất

- Là khu vực phát triển đô thị với chức năng: Khu đất ở, dịch vụ công cộng; cung cấp quỹ nhà ở và các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho khu vực.
- Là khu đô thị định hướng phát triển đồng bộ về kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

4.2. Mục tiêu đồ án

- Cụ thể hóa đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Tuy Hòa và khu vực phụ cận, tỉnh Phú Yên đến năm 2040;

- Tạo ra quỹ đất để đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng kết nối đồng bộ với khu vực xung quanh; tổ chức không gian sống thân thiện, tiện nghi, mỹ quan, môi trường bền vững cho dân sinh; đáp ứng nhu cầu tái định cư cho các hộ dân tại thôn Giai Sơn, xã An Mỹ bị ảnh hưởng bởi tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An – Thành phố Tuy Hòa;

- Tạo điều kiện quản lý tài nguyên đất đai một cách hợp lý và tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước;

- Làm căn cứ pháp lý để quản lý xây dựng, cấp phép xây dựng, cấp quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất; lập dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị theo đồ án được duyệt.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất và các yêu cầu về tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan của khu vực được xác định trên cơ sở đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Tuy Hòa và khu vực phụ cận, tỉnh Phú Yên đến năm 2040; các quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, cụ thể:

TT	Hạng mục	Đơn vị		Chỉ tiêu
I	Đất đai (Đất dân dụng)			
1	Đất đơn vị ở	m ² /người		≤45
2	Đất công cộng đô thị	m ² /người		≥5
3	Đất giao thông	% đất xây dựng khu đô thị		≥16
II	Các chỉ tiêu quy hoạch	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Số tầng tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất
1	Nhà liên kế	70	5	3,5
III	Hạ tầng kỹ thuật			
1	Mật độ đường giao thông chính	km/km ²		4 – 6,5
2	Cấp nước			
2.1	Cấp nước sinh hoạt (Qsh)	l/ng/ngày đêm		≥100
2.2	Tưới cây rửa đường	% Qsh		≥8
2.3	Cấp nước công trình công cộng	% Qsh		≥10
3	Thu gom nước thải sinh hoạt	≥80% cấp nước sinh hoạt		
4	Rác thải sinh hoạt	kg/ng/ngày		1,0
5	Cấp điện			

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
5.1	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/người/năm	1.000
5.2	Cấp điện công cộng	% điện sinh hoạt	35
6	Chỉ tiêu thông tin liên lạc	Thuê bao/người	01

6. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng

6.1. Giải pháp cơ cấu quy hoạch

- Khớp nối đồng bộ về chức năng sử dụng đất, không gian, hạ tầng với các quy hoạch lân cận khu vực.
- Tận dụng tối đa hiện trạng để đưa ra giải pháp quy hoạch.
- Cung ứng đầy đủ, đồng bộ hạ tầng đô thị.
- Góp phần tạo thêm quỹ đất lập các dự án đầu tư, phát triển dân cư, tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội khu vực và chung của toàn huyện.
- Đảm bảo tính bền vững và tăng khả năng thích ứng của môi trường.
- Cơ cấu sử dụng đất đạt được:

Bảng cân bằng sử dụng đất

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở		11.135,40	31,81
1	Đất ở liên kế 1	N01	801,60	
2	Đất ở liên kế 2	N02	1.812,50	
3	Đất ở liên kế 3	N03	2.279,80	
4	Đất ở liên kế 4	N04	842,00	
5	Đất ở liên kế 5	N05	3.938,80	
6	Đất ở liên kế 6	N06	1.460,70	
II	Đất cơ quan, trụ sở	CC	1.980,20	5,66
III	Đất cây xanh công cộng	CX	4.604,40	13,15
IV	Đất giao thông	GT	14.425,30	41,21
V	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	2.858,20	8,17
	Tổng cộng đất thuộc dự án (I+II+III+IV+V)		35.003,50	100,00
VI	Đất hành lang giao thông ĐT.649		3.161,10	
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V+VI)		38.164,60	

6.2. Chỉ tiêu từng lô đất xây dựng

- Đất cơ quan, trụ sở và đất cây xanh công cộng được bố trí giữa khu quy hoạch, đáp ứng đều nhu cầu cho từng khu đất ở, tạo không gian thoáng cho khu quy hoạch; đồng thời là trung tâm cho toàn bộ khu vực theo định hướng phát triển khu dân cư về phía tuyến đường bộ ven biển.

- Bố trí đất nhà ở liên kế giáp với các trục đường lớn rộng 16m và 20m, bao quanh đất cơ quan, trụ sở (nhà văn hóa thôn) và đất cây xanh công cộng, nhằm tăng giá trị sử dụng và có tính khả thi cao. Bao gồm 06 khu có ký hiệu từ N01 đến N06, phân ra 54 lô; cụ thể:

+ Lô N01: Được phân thành 04 lô đất ở liên kế có diện tích từ 187,5m² – 214,1m²; ký hiệu từ N01-1 đến N01-4.

+ Lô N02: Được phân thành 09 lô đất ở liên kế có diện tích từ 200,0m² – 212,5m²; ký hiệu từ N02-1 đến N02-9.

+ Lô N03: Được phân thành 11 lô đất ở liên kế có diện tích từ 178,4m² – 237,6m²; ký hiệu từ N03-1 đến N03-11.

+ Lô N04: Được phân thành 04 lô đất ở liên kế có diện tích từ 200,0m² – 221,0m²; ký hiệu từ N04-1 đến N04-4.

+ Lô N05: Được phân thành 19 lô đất ở liên kế có diện tích từ 200,0m² – 246,8m²; ký hiệu từ N05-1 đến N05-19.

+ Lô N06: Được phân thành 07 lô đất ở liên kế có diện tích từ 200,0m² – 238,6m²; ký hiệu từ N06-1 đến N06-7.

Bảng thống kê các chỉ tiêu sử dụng đất từng lô đất.

TT	Loại đất	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Mật độ XD tối đa (%)	Diện tích XD (m ²)	Tầng cao tối đa	Hệ số sử dụng đất
1	Đất ở		11.135,40		7.794,78		
	Đất ở liên kế	N01	801,60	70,0	561,12	05	3,5
		N02	1.812,50	70,0	1.268,75	05	3,5
		N03	2.279,80	70,0	1.595,86	05	3,5
		N04	842,00	70,0	589,40	05	3,5
		N05	3.938,80	70,0	2.757,16	05	3,5
		N06	1.460,70	70,0	1.022,49	05	3,5
2	Đất cơ quan, trụ sở	CC	1.980,20	40,0	792,08	02	0,8

TT	Loại đất	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Mật độ XD tối đa (%)	Diện tích XD (m ²)	Tầng cao tối đa	Hệ số sử dụng đất
3	Đất cây xanh công cộng	CX	4.604,40	5,0	230,22	01	
4	Đất giao thông	GT	14.425,30				
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	2.858,20				
	Tổng cộng đất XD dự án (I+II+III+IV+V)		35.003,50		8.817,08		

7. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan là khu đô thị với các chức năng: Đất ở và các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho khu vực. Định hướng phát triển đảm bảo các tiêu chí của đô thị loại IV, đồng bộ về kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; phát triển bền vững và bảo vệ môi trường với các khu chức năng dịch vụ đô thị chất lượng cao.

Các khu vực bố trí nhà ở tuân thủ đúng chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng và tầng cao tối đa theo quy định của từng lô đất.

Quản lý cấp phép cho từng khu đất phải không chế các kích thước, chiều cao cho phù hợp các tuyến trong khu quy hoạch đồng thời quy định về hình thức, màu sắc chung cho toàn khu.

Không gian quy hoạch được chia làm các khu vực chính gồm:

7.1. Khu vực công trình nhà ở liên kế: Phân bố đều trên toàn bộ khu vực lập quy hoạch.

- Thiết kế đảm bảo tính thống nhất cho từng tuyến phố. Hình thức kiến trúc hiện đại và mang nét truyền thống của địa phương, không phá vỡ kiến trúc chung của toàn khu quy hoạch. Kiến trúc nhà ở dọc các tuyến đường có thể đa dạng về hình thức, vật liệu, màu sắc, nhưng phải đồng dạng về chiều cao (cao độ các tầng).

- Đối với công trình nhà ở có giếng trời đảm bảo thông thoáng, ánh sáng và đảm bảo mật độ xây dựng đối với từng lô đất.

- Mật độ xây dựng tối đa 70%.

- Chiều cao công trình tối đa 21,5m, tương đương 5 tầng; tầng 1 cao 3,8m, các tầng còn lại cao 3,6m.

- Chỉ giới xây dựng, khoảng lùi: Chỉ tiết chỉ giới xây dựng, khoảng lùi từng lô đất theo bản đồ quy hoạch chỉ giới xây dựng và chỉ giới đường đỏ kèm theo.

- Ban công: Ban công vươn ra so với chỉ giới đường đỏ 1,4m.

7.2. Đất trụ sở, cơ quan

Bố trí khu vực trung tâm khu đất để xây dựng Nhà văn hóa phục vụ cho dân cư thôn Giai Sơn. Khu đất được bố trí đảm bảo kết nối giao thông thuận lợi đến từng dãy nhà trong khu quy hoạch

- Mật độ xây dựng tối đa 40%
- Chiều cao công trình tương đương 02 tầng.
- Chỉ giới xây dựng, khoảng lùi: Bố trí phù hợp với từng tuyến đường xung quang.

7.3. Công viên cây xanh

- Thiết lập tiểu công viên không gian cây xanh tại khu đất cây xanh công cộng tạo điểm nhấn xanh cho khu vực quy hoạch. Trên vỉa hè của các tuyến phố bố trí các dải cây xanh đảm bảo tạo mỹ quan và góp phần cải thiện vi khí hậu cho toàn khu quy hoạch.

- Bố cục cây xanh đáp ứng được mục tiêu giải trí, tạo sự thư giãn, thoải mái, đồng thời tạo cảnh quan đẹp cho tuyến đường. Chọn các loài cây trồng có sức sống mạnh, phát triển nhanh đáp ứng nhanh yêu cầu về bóng mát, chịu được điều kiện khí hậu địa phương; đồng thời đáp ứng được yêu cầu cảnh quan, thẩm mỹ, màu sắc tươi sáng, sống động, tạo sức sống.

Các không gian kiến trúc khác theo đồ án quy hoạch và thuyết minh kèm theo.

8. Giải pháp tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. San nền

Trên cơ sở cao độ khu dân cư hiện hữu, trục đường ĐT.649, Quy hoạch chung thành phố Tuy Hòa và khu vực phụ cận, tỉnh Phú Yên đến năm 2040, thiết kế san nền đảm bảo vào mùa mưa không bị ngập úng cục bộ, khối lượng đào đắp nhỏ nhất và thuận lợi cho việc xây dựng các công trình, đường giao thông; cao độ san nền tương đương với mặt tuyến đường ĐT.649, hướng san nền khu đất xây dựng được thiết kế theo hướng dốc từ Đông sang Tây; san nền theo từng lô đất ở, cao hơn mặt đường khoảng 0,15m, hướng dốc ra ngoài lô đất.

8.2. Hệ thống giao thông

- Giao thông đối ngoại: Sử dụng tuyến ĐT.649 là tuyến giao thông đối ngoại.
- Giao thông nội bộ: Hệ thống giao thông nội bộ được quy hoạch kết nối với tuyến ĐT.649; các tuyến nội bộ đảm bảo kết nối trực tiếp đến từng nhóm đơn vị ở, từng công trình chức năng trong khu dân cư với quy mô lộ giới là 16m và 20m

Stt	Tên đường	Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Chiều rộng (m)	
				Mặt đường	Vỉa hè
1	Đường N1	159,46	16,0	7,5	4,25+4,25
2	Đường N2	134,75	20,0	10,5	4,75+4,75
3	Đường N3	88,91	16,0	7,5	4,25+4,25

Stt	Tên đường	Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Chiều rộng (m)	
				Mặt đường	Vĩa hè
4	Đường D1	258,60	16,0	7,5	4,25+4,25
5	Đường D2	223,81	16,0	7,5	4,25+4,25
6	Đường D3	61,36	16,0	7,5	4,25+4,25

8.3. Hệ thống cấp điện

- Tổng công suất cấp điện toàn khu vực khoảng 194,1(kVA). Nguồn điện cấp cho khu quy hoạch dự kiến đầu nối từ đường dây 22kV trên trục đường ĐT.649. Điện 22kV hạ áp từ trạm biến áp cấp điện sinh hoạt, chiếu sáng đường cho khu quy hoạch. Trạm biến áp được bố trí cuối tuyến D1 về phía Nam.

- Đường dây trung áp, hạ áp bố trí gần chỉ giới đường đỏ và cách chỉ giới đường đỏ 0,5m. Cấp trung áp, hạ áp đi ngầm sử dụng cáp đồng vỏ bọc nhựa cách điện, được luồn trong ống nhựa HDPE đi ngầm dưới vỉa hè.

- Hệ thống chiếu sáng: Cáp chiếu sáng sử dụng cáp đồng vỏ bọc nhựa cách điện, được luồn trong ống nhựa HDPE đi ngầm dưới vỉa hè, cách bó vỉa 0,5m. Khoảng cách bố trí giữa các trụ đèn chiếu sáng phụ thuộc vào độ chói yêu cầu của kết cấu mặt đường và mặt cắt ngang của đường. Trụ chiếu sáng thiết kế thép mạ kẽm nhúng nóng. Toàn bộ tuyến chiếu sáng đi độc lập với đường dây 22KV và 0,4KV.

- Đường cáp cấp điện từ sau công tơ (tủ phân phối điện) đến các hộ gia đình hoặc công trình sẽ được thiết kế ở giai đoạn thiết kế chi tiết.

8.4. Hệ thống thông tin liên lạc

Nguồn cung cấp được lấy từ các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông trong khu vực. Hệ thống thông tin liên lạc đi ngầm dưới vỉa hè; cáp thông tin dẫn về các tủ cáp phân phối cung cấp đến từng công trình. Cáp thông tin sử dụng cáp quang, đảm bảo chất lượng và tốc độ cao.

8.5. Hệ thống thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa sau khi thu gom vào hệ thống cống BTLT, dẫn về lưu vực thoát bố trí tại cuối tuyến D1 về phía Bắc.

- Hệ thống hồ ga thu nước mặt và cống tròn BTCT dẫn nước mưa bố trí dọc theo các tuyến giao thông, dưới vỉa hè theo nguyên tắc tự chảy, đảm bảo thời gian nước chảy trong cống là nhanh nhất.

- Bố trí đầu nối các điểm thoát nước hiện hữu đảm bảo thoát nước cho toàn bộ khu vực quy hoạch và khu vực lân cận.

8.6. Hệ thống cấp nước

- Nhu cầu dùng nước của khu vực trung bình 70,08m³/ngày đêm. Nguồn nước cấp cho khu quy hoạch dự kiến lấy từ Nhà máy cấp nước thành phố Tuy Hòa, được đầu nối với đường ống hiện trạng D110 tại tuyến ĐT.649.

- Mạng lưới cấp nước của khu quy hoạch được thiết kế ống HDPE bố trí dưới vỉa hè đi đến từng hộ gia đình và công trình.

- Bố trí 04 trụ cứu hỏa tại các tuyến đường giao thông nội bộ với khoảng cách khoảng 150m/trụ; trụ cứu hỏa được đặt trên mạng vòng để đảm bảo cấp nước chữa cháy không bị gián đoạn.

8.7. Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và vệ sinh môi trường

- Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt: Nước thải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại các hộ gia đình và công trình, thu gom bằng các hố ga bố trí dọc theo vỉa hè, dẫn đến vị trí chờ đầu nối tại góc Tây – Bắc của khu đất. Ống thoát nước thải sử dụng cống HDPE đường kính D300 đặt dưới vỉa hè. Các tuyến cống bố trí theo nguyên tắc tự chảy và đảm bảo thời gian nước chảy trong cống là nhanh nhất.

- Vệ sinh môi trường: Rác thải được thu gom từ các hộ gia đình và vận chuyển rác đến khu xử lý rác thải tập trung của khu vực. Việc thu gom và vận chuyển rác từ các hộ gia đình đến nơi xử lý do đơn vị chuyên trách thực hiện.

9. Sản phẩm quy hoạch

9.1- Số lượng hồ sơ: 09 bộ.

9.2- Thành phần hồ sơ: Mỗi bộ hồ sơ bao gồm:

- Phần bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất	1/2.000
2	Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng	1/500
3	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật	1/500
4	Bản đồ phân lô chi tiết	1/500
5	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/500
6	Bản đồ quy hoạch san nền	1/500
7	Bản đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan	1/500
8	Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật	1/500
9	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường	1/500
10	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	1/500

- Phần văn bản:

1	Thuyết minh tổng hợp đồ án Quy hoạch chi tiết
2	Bản vẽ thiết kế quy hoạch thu nhỏ và các phụ lục đi kèm theo thuyết minh tổng hợp đồ án quy hoạch chi tiết

- Phần dữ liệu mềm: Đĩa USB ghi toàn bộ nội dung và bản vẽ CAD đúng tọa độ VN2000.

10. Các nội dung khác: Theo hồ sơ đồ án quy hoạch đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định; lưu trữ và quản lý Đồ án quy hoạch được phê duyệt đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Ban Quản lý Dự án ĐTXD và PTQĐ huyện: Chịu trách nhiệm về nội dung trình thẩm định. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đồ án quy hoạch được phê duyệt, chủ trì, phối hợp với UBND xã An Mỹ, các cơ quan có liên quan tổ chức công bố công khai và bàn giao Đồ án quy hoạch được duyệt theo quy định; tổ chức lập, phê duyệt hồ sơ và thực hiện cấm mốc giới quy hoạch; lấy ý kiến thống nhất của Sở Giao thông vận tải về thiết kế đầu nối giao thông từ ĐT.649 vào dự án, tổ chức triển khai dự án Khu tái định cư tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An – Thành phố Tuy Hòa (thôn Giai Sơn, xã An Mỹ) đảm bảo nhu cầu tái định cư và các quy định của pháp luật.

- UBND xã An Mỹ:

+ Phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Ban Quản lý Dự án ĐTXD và PTQĐ huyện tổ chức quản lý, công bố công khai, cấm mốc giới, triển khai dự án đầu tư theo Đồ án quy hoạch được phê duyệt và các quy định hiện hành.

+ Chịu trách nhiệm rà soát các thửa đất, nhà ở bị ảnh hưởng bởi tuyến đường bộ ven biển, phối hợp với các cơ quan chuyên môn xác định số hộ đủ điều kiện tái định cư theo quy định để bố trí vào khu quy hoạch.

- Các cơ quan, ban, ngành, đơn vị có liên quan: Phối hợp tổ chức công bố công khai Đồ án quy hoạch theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy An, Chủ tịch UBND xã An Mỹ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuy An và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND huyện;
- CVP, các PCVP HĐND&UBND huyện;
- Lưu VT, KH&HT.



Huỳnh Gia Hoàng